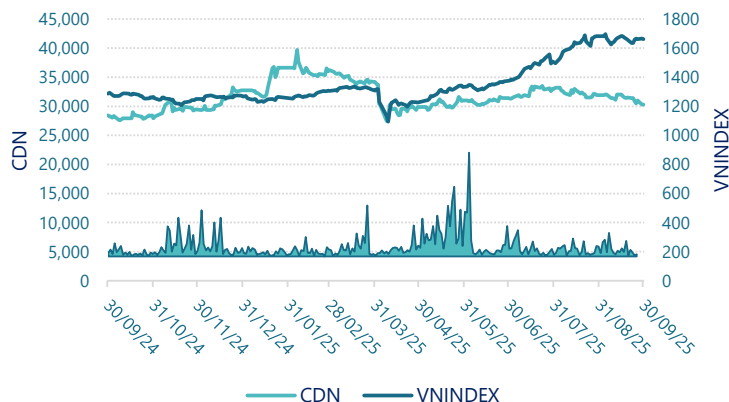




CTCP Cảng Đà Nẵng (HNX: CDN)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch

30/09/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	30,300
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	39,688
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	27,454
SL cổ phiếu LH	99,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	6,630
% sở hữu nước ngoài	20.5%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	3,000
P/E	8.2
EPS	3,686

DT thuần

Q3/25

416

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 5.00 | 1.2%

YoY: ▲ 50.0 | 13.7%

LN sau thuế

Q3/25

112

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 14.9 | 15.0%

YoY: ▲ 32.5 | 40.5%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

35.1%

+/- YoY: ▲ 6.2%

DT thuần

9T 2025

1,197

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 126 | 11.7%

LN sau thuế

9T 2025

293

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 64.0 | 27.7%

ROE

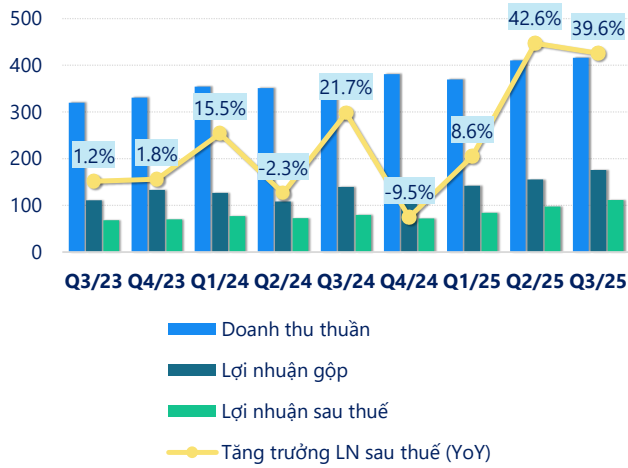
Q3/25

19.5%

+/- YoY: ▲ 1.8%

tỷ VNĐ

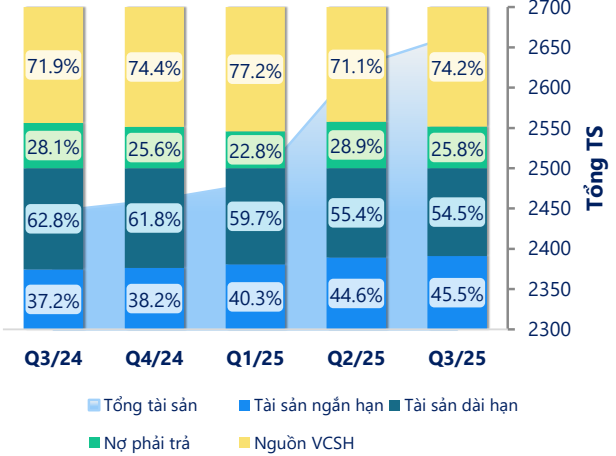
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

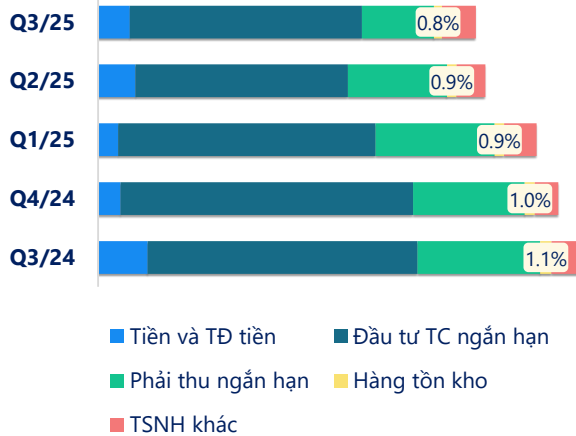
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



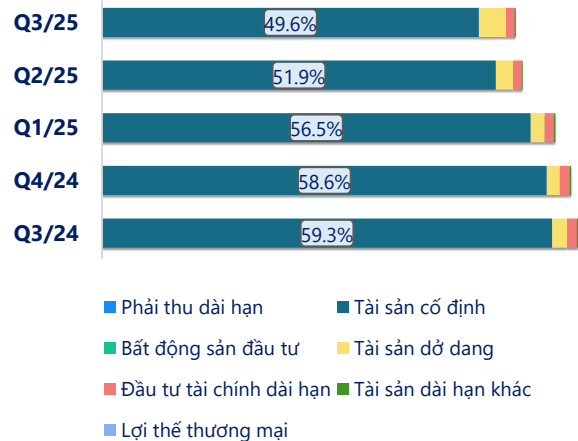
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

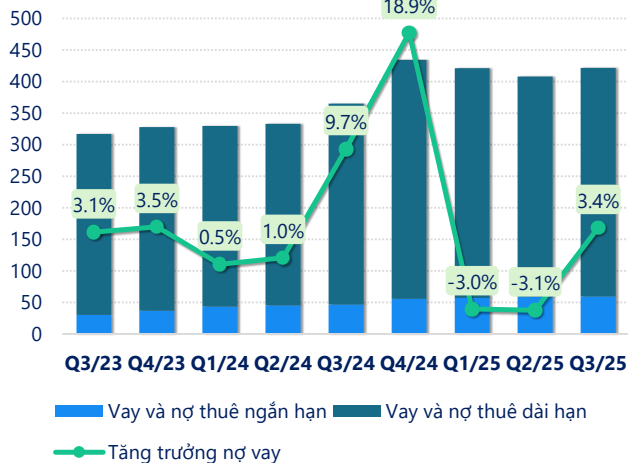
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

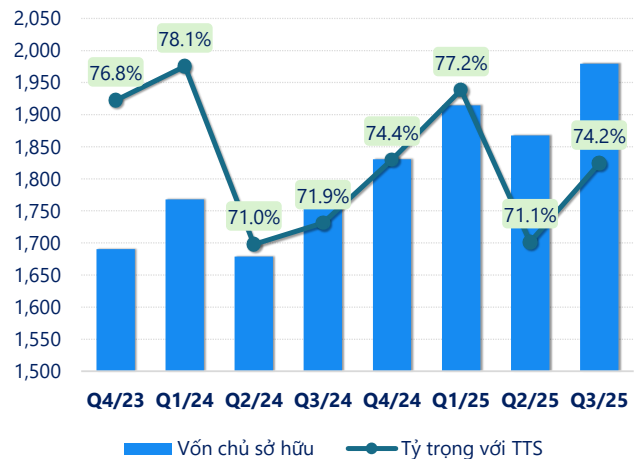
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

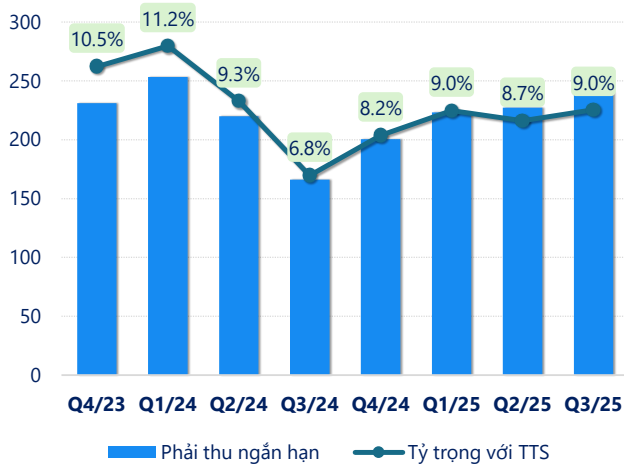
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



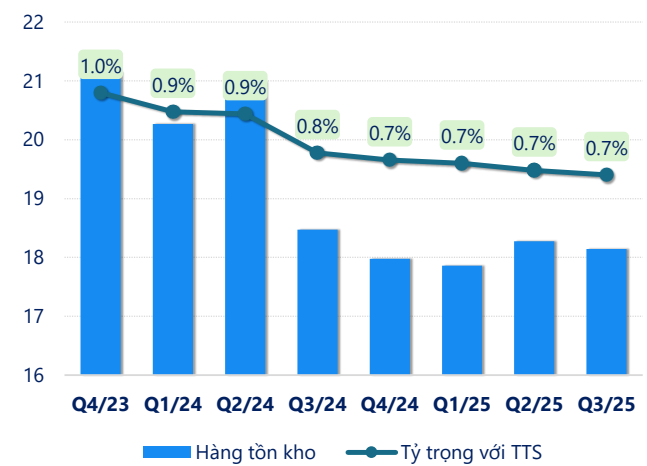
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


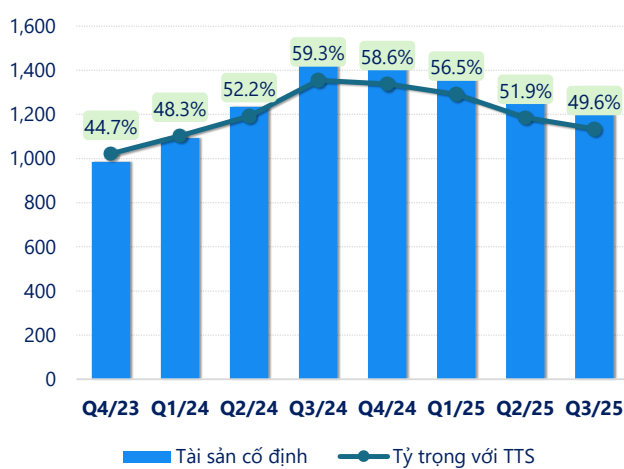
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


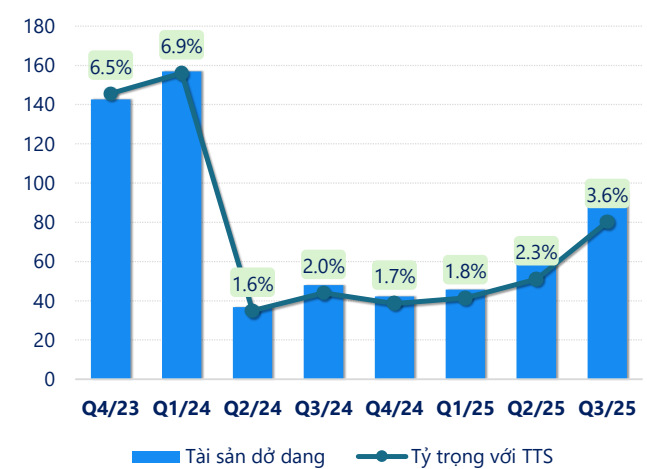
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	2,446	2,460	2,481	2,626	2,666
Tài sản ngắn hạn	910	940	1,001	1,171	1,214
Tiền và tương đương tiền	114	52.3	46.7	92.3	79.6
Đầu tư tài chính ngắn hạn	534	595	628	756	809
Phải thu ngắn hạn	166	201	223	227	241
Hàng tồn kho	18.5	18.0	17.9	18.3	18.1
Tài sản ngắn hạn khác	78.1	74.9	85.0	77.2	66.9
Tài sản dài hạn	1,536	1,520	1,481	1,455	1,452
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	1,450	1,440	1,401	1,362	1,323
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	47.9	42.2	45.7	59.6	95.1
Đầu tư tài chính dài hạn	31.8	32.0	30.1	30.1	30.1
Tài sản dài hạn khác	6.69	5.18	4.17	3.27	3.69
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	688	630	567	758	687
Nợ ngắn hạn	369	251	203	409	324
Vay và nợ thuê ngắn hạn	46.5	55.5	57.0	58.5	59.2
Phải trả người bán ngắn hạn	75.6	60.7	40.7	36.3	44.0
Nợ dài hạn	319	379	364	349	363
Vay và nợ thuê dài hạn	319	379	364	349	363
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,758	1,830	1,915	1,868	1,980
Vốn chủ sở hữu	1,758	1,830	1,915	1,868	1,980
Vốn điều lệ	990	990	990	990	990
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)